

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 268/2024/DS - PT

Ngày: 29 - 03 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 và 29 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 3748/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 572/2024/QĐ - PT ngày 01 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 974/2024/QĐ-PT ngày 27/02/2024 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3026/2024/PT-DS ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thanh T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: 9 Đường số H, Tổ A, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị B, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: D đường L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Dương Thị Hồng T1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I, đường T, Tổ H, Khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Sỹ T2, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: B đường E, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: H N, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – bà Dương Thị Hồng T1 kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị Thanh T trình bày: Vào ngày 06/05/2020, bà T1 có hỏi vay bà T số tiền là: 1.750.000.000 đồng bằng giấy viết tay có thỏa thuận với nhau những nội dung cơ bản sau: Bà Dương Thị Hồng T1 vay bà Dương Thị Thanh T số tiền là: 1.750.000.000 đồng (*Một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng*); Thời hạn vay: 01 năm, kể từ ngày 06/5/2020 đến ngày 06/5/2021; Lãi suất: Thỏa thuận là 2.5%/tháng cho số tiền vay là: 1.750.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận này, bà T1 đã có trả lãi suất cho bà T theo đúng thỏa thuận là 2.5%/tháng tương đương số tiền: 45.000.000 đồng/tháng (từ ngày 06/05/2020- 06/05/2021). Đến ngày 07/05/2021, là hết thời hạn vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 06/05/2020. Bà T liên hệ đề nghị bà T1 trả nợ gốc số tiền vay là: 1.750.000.000 đồng nhưng bà T1 vẫn không thực hiện hoàn trả tiền cho bà T đúng như thỏa thuận.

Nay, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, TP . giải quyết cụ thể như sau: Buộc bà T1 phải trả cho bà T số tiền vay là: 1.750.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 06/05/2020 giữa bà T và bà T1. Bà T không yêu cầu tính lãi suất. Số tiền này trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/02/2022, bà yêu cầu tính trả lãi cho số tiền vay là: 1.750.000.000 đồng theo lãi suất thỏa thuận là: 2,5%/ tháng kể từ ngày 07/06/2021 đến ngày 07/3/2022. Cụ thể như sau: 2,5% /tháng x 09 tháng x 1.750.000.000 đồng = 393.750.000 đồng. Trong thời gian từ ngày 07/06/2021 đến ngày 16/02/2022, bà T1 có thanh toán lãi được 65.000.000 đồng, cụ thể: Đợt 1: Ngày 24/11/2021: 45.000.000 đồng; Đợt 2: Ngày 23/12/2021: 10.000.000 đồng; Đợt 3: Ngày 05/01/2022: 10.000.000 đồng

Như vậy, bà T1 phải trả số tiền lãi suất còn lại cho tôi được tính kể từ ngày 07/06/2021 đến ngày 07/3/2022 là: 393.750.000 – 65.000.000 đồng = 328.750.000 đồng . Số tiền này trả một lần ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Ngô Thị B trình bày:

Vào ngày 06/05/2020, bà Dương Thị Hồng T1, có hỏi vay bà Dương Thị Thanh T số tiền là: 1.750.000.000 đồng, vì là chỗ quen biết nên bà Dương Thị Thanh T tin tưởng, đồng ý cho bà Dương Thị Hồng T1 vay số tiền: 1.750.000.000 đồng bằng giấy viết tay. Vào ngày 06/05/2020, bà Dương Thị Hồng T1 có thỏa thuận với nhau những nội dung cơ bản sau:

Bà Dương Thị Hồng T1 có vay bà Dương Thị Thanh T số tiền là: 1.750.000.000 đồng; Thời hạn vay: 01 năm, kể từ ngày 06/5/2020 đến ngày 06/5/2021; Lãi suất: Thỏa thuận là 2.5%/tháng cho số tiền vay là: 1.750.000.000 đồng; Trong quá trình thực hiện thỏa thuận này, bà Dương Thị Hồng T1 đã có trả lãi suất cho bà Dương Thị Thanh T theo đúng thỏa thuận là 2.5%/tháng tương đương số tiền: 45.000.000 đồng/tháng (từ ngày 06/05/2020- 06/05/2021). Đến ngày 07/05/2021, là hết thời hạn vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 06/05/2020. Bà Dương Thị Thanh T rất nhiều lần liên hệ để đề nghị bà Dương Thị Hồng T1, trả nợ gốc số tiền vay là: 1.750.000.000 đồng cho bà Dương Thị Thanh T nhưng bà Dương Thị Hồng T1 vẫn không thực hiện hoàn trả tiền cho tôi đúng như thỏa thuận.

Nay, bà Dương Thị Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, TP . giải quyết cụ thể như sau:

Buộc bà Dương Thị Hồng T1 phải trả cho bà Dương Thị Thanh T tổng cộng số tiền: 2.472.260.000 đồng trong đó {(Số tiền vay là: 1.750.000.000 đồng và 787.260.273 đồng *tiền lãi suất* (20%/năm kể từ ngày 07/06/2021 đến ngày 19/9/2023 tức là: 02 năm, 03 tháng, 11 ngày là 821 ngày: 1.750.000.000 đồng x 20%/năm X (821 ngày/365 ngày) = 787.260.273 đồng – số tiền lãi mà bà T1 trả cho bà T ngày 24/11/2021 là 45.000.000 đồng – ngày 23/12/2021 là: 10.000.000 đồng – ngày 05/01/2022 là 10.000.000 đồng = 722.260.273 đồng)}. Số tiền này trả một lần ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn bà Dương Thị Hồng T1 trình bày:

Theo thông báo về việc thụ lý vụ án số 94/2022/TLST-DS ngày 18/01/2022, thông báo về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/7/2023 và kết quả sao chụp hồ sơ vụ án vào ngày 06/7/2023 thì bà T1 cho rằng:

Bà Dương Thị Thanh T đã cung cấp cho Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức tài liệu làm căn cứ khởi kiện vụ án là “Giấy vay tiền (bản photo) không nhìn thấy rõ ngày tháng năm của văn bản. Đây cũng là căn cứ bà T dùng để yêu cầu Tòa án buộc bà Dương Thị Hồng T1 trả số tiền 1.750.000.000 đồng.

Đối với giấy vay tiền thì bà Dương Thị Hồng T1 chưa từng được cấp/giữ giấy vay tiền này. Bà Dương Thị Hồng T1 cũng không đọc được nội dung giấy vay tiền mà bà T đã cung cấp cho Tòa án. Nếu đây là sự thỏa thuận của hai bên thì đáng lẽ ra bà Dương Thị Hồng T1 cũng có 01 bản có nội dung giống như giấy vay tiền mà bà T cung cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Thanh T yêu cầu bà Dương Thị Hồng T1 trả tổng số tiền: 2.078. 630.136 đồng gồm {tiền nợ gốc là:

1.750.000.000 đồng và tiền nợ lãi là: 1.750.000.000 đồng là: 10%/năm kể từ ngày 07/06/2021 đến ngày 19/9/2023 tức là: 02 năm, 03 tháng, 11 ngày là 821 ngày. Cụ thể như sau: 1.750.000.000 đồng x 10%/năm X (821 ngày/365 ngày) = 393.630.136 đồng – Lãi suất mà bà T1 đã trả (Đợt 1: Ngày 24/11/2021: 45.000.000 đồng; Đợt 2: Ngày 23/12/2021: 10.000.000 đồng; Đợt 3: Ngày 05/01/2022: 10.000.000 đồng)}.

Số tiền này trả một lần ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày:* Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn bởi vì: Trong giấy vay tiền ngày 06/05/2020 giữa bà T1 với bà T ký với nhau chỉ có một chữ ký ở trang thứ 3, còn trang 1 và trang 2 không có chữ ký xác nhận của bà T1 nên việc bà T thay trang 1 và trang 2 là có thể xảy ra, đồng thời giấy vay tiền ngày 06/05/2020 không có chứng thực nên về mặt hình thức giấy vay tiền là không đảm bảo. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà T1 cho rằng chữ ký ở trong giấy vay tiền không phải là của bà T1 vì bà T1 không giữ bản giấy vay tiền nào. Nhưng phía nguyên đơn không chứng minh được chữ ký đó có phải là của bà T1 hay không? Mà chỉ khẳng định chữ ký trong giấy vay tiền là của bà T1 nên chưa phù hợp với toàn bộ hồ sơ vụ kiện. Mặt khác từ khi khởi kiện đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay phía nguyên đơn không cung cấp chứng cứ là giấy vay tiền ngày 06/05/2020 cho bà T1 nên vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 3748/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh T:

Buộc bà Dương Thị Hồng T1 phải trả cho bà Dương Thị Thanh T số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy vay tiền lập ngày 06/05/2020 là: 2.078. 630.136 đồng trong đó gồm (tiền nợ gốc là: 1.750.000.000 đồng và tiền nợ lãi là: 328.630.136 đồng).

Việc thanh toán tiền do bà Dương Thị Thanh T và bà Dương Thị Hồng T1 tự thực hiện hoặc được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị Hồng T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 73.572.603đ (Bảy mươi ba triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng). Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho bà Dương Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí là 40.468.750đ (Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) mà bà Dương Thị Thanh T đã nộp theo các biên lai thu số: AA/2021/0026201 ngày 09/03/2022 và AA/2021/0025456 ngày 28/01/2022.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, bị đơn bà Dương Thị Hồng T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Người kháng cáo không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm với lý do vi phạm về tố tụng và về nội dung.

Về tố tụng: vi phạm thủ tục tổng đạt, niêm yết không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng; diễn biến phiên tòa không được phản ánh đầy đủ, đại diện bị đơn có yêu cầu triệu tập người làm chứng nhưng không được chấp nhận; không xem xét chấp nhận đơn giám định của bị đơn; không đưa người liên quan là chồng bị đơn vào tham gia vụ án; nguyên đơn không gửi tài liệu chứng cứ hồ sơ khởi kiện cho bị đơn theo quy định.

Về nội dung: Bị đơn không thừa nhận vay mượn tiền nguyên đơn nhưng nhận định của cấp sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ không phù hợp với tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ; cấp sơ thẩm xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng sai quy định của pháp luật về cách thức tính lãi dẫn đến tính lãi không đúng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn bà T đồng ý giảm hết khoản tiền lãi 328.630.136 đồng cho bà T1, chỉ yêu cầu bà T1 trả khoản tiền nợ gốc 1.750.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 06/5/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Xét kháng cáo của bị đơn bà T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm có vi phạm: về tố tụng không đưa chồng bà T1 vào tham gia tố tụng, không xem xét chấp nhận giám định chữ ký và không niêm yết tại TAND thành phố Thủ Đức; về nội dung cấp sơ thẩm xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện, nhận định của cấp sơ thẩm là không có căn cứ.

Về tố tụng: + Xét kháng cáo của bị đơn về việc không đưa chồng bà T1 vào tham gia tố tụng, nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ, không yêu cầu chồng bà T1 cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5 của BLTTDS 2015 về Quyền quyết định

và tự định đoạt của đương sự “...Tòa án chỉ thụ lý giải quyết việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”. Ngoài ra, bà T1, người đại diện theo ủy quyền của bà cũng không có mặt tại các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, bà T1 cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho khoản vay trên là khoản vay chung của vợ chồng. Do vậy, Tòa sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết vụ án trên các yêu cầu của nguyên đơn, không đưa chồng bà T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

+ Không niêm yết tại TAND thành phố Thủ Đức: Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa sơ thẩm đã tổng đạt cho bị đơn tại địa chỉ cư trú nhưng bà T1 không có mặt, không có ai nhận thay. Tòa đã tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp tổng đạt và có niêm yết tại UBND phường và nơi cư trú. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm có thiếu sót khi không niêm yết tại trụ sở TAND thành phố Thủ Đức. Tuy có thiếu sót nhưng không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Bởi ngày 6/7/2023, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp cho người đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Sỹ T2 thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp ngày 06/7/2023. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/9/2023, đại diện bị đơn ông Nguyễn Sỹ T2 có mặt tham gia phiên tòa. Do đó, quyền lợi của bị đơn không bị ảnh hưởng.

+ Đối với việc không xem xét chấp nhận giám định chữ ký: Quá trình giải quyết vụ án tại sơ thẩm, bị đơn không cung cấp giấy tờ liên quan để trưng cầu giám định chữ ký và cũng không có mặt tại Tòa để lấy mẫu chữ ký để giám định. Do đó, Tòa sơ thẩm có thông báo số 94/TB-TA ngày 25/8/2023 về việc “Không chấp nhận đơn đề nghị giám định chữ ký” là có cơ sở.

Về nội dung:

- Đối với khoản tiền nợ gốc 1.750.000.000đ: căn cứ Giấy vay tiền lập ngày 06/5/2020 tại số I T, KP6, P. H, Quận I, TP H có nội dung: *bà Dương Thị Thanh T (bên cho vay) có cho bà Dương Thị Hồng T1 (bên vay) vay số tiền 1.750.000.000đ, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 2,5%/tháng. Ngay sau ký giấy vay tiền này, bà T sẽ giao toàn bộ số tiền vay trên cho bà T1.* Tại giấy vay tiền có chữ ký của cả 2 bên và điểm chỉ của bên vay bà T1.

Như vậy, căn cứ quy định Điều 385; Điều 401 BLDS thì Giấy vay tiền trên đã đảm bảo về hình thức, thỏa thuận giữa các bên là sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên phát sinh hiệu lực.

Theo trình bày của nguyên đơn từ ngày 06/5/2020 đến ngày 06/5/2021 bà T1 đã trả lãi suất theo đúng thỏa thuận. Đến ngày hết hạn hợp đồng, ngày 07/5/2021 bà T1 không hoàn trả lại số tiền gốc như đã thỏa thuận tại Giấy mượn tiền ngày 06/5/2020.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp giao dịch chuyển khoản của bị đơn thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn 03 lần vào các ngày 19/11/2021; ngày 23/11/2021 và ngày 05/01/2022, tổng số tiền 65.000.000đ. Bị đơn không chứng minh số tiền chuyển khoản của 03 lần trên là của giao dịch khác.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định có việc vay mượn tiền giữa bà T1 và bà T như thỏa thuận tại Giấy mượn tiền ngày 06/5/2020. Do bà T1 vi phạm nghĩa

vụ trả nợ. Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466 BLDS thì yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà T1 trả số tiền gốc đã mượn là 1.750.000.000đ là có căn cứ.

- Về lãi suất: Tại Giấy mượn tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 2,5%/ tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/ năm cho toàn bộ khoản vay, tính từ ngày 07/6/2021 đến ngày 19/9/2023 với tổng số tiền là 393.630.136 đồng – 65.000.000 đồng (lãi suất bà T1 đã trả) = 328.630.136 đồng. Xét thấy lãi suất trên là phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý giảm toàn bộ khoản tiền lãi 328.630.136 đồng cho bị đơn. Xét thấy việc giảm lãi của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm. Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên,

- Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn bà Dương Thị Hồng T1.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS 2015 đề nghị:

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 3748/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, theo hướng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc giảm toàn bộ số tiền lãi cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã tạm nộp án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tố tụng:

[2.1.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn và tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết cho các đương sự; Tòa sơ thẩm đã tổng đạt cho bị đơn tại địa chỉ cư trú nhưng bị đơn không có mặt, không có ai nhận thay, Tòa sơ thẩm đã tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp tổng đạt và có niêm yết tại UBND phường và nơi cư trú. Ngày 12/03/2022, bà T1 ủy quyền cho ông Huỳnh Văn H và ông Nguyễn Sỹ T2 đại diện; Ngày 18/4/2022, ông Huỳnh Văn H có đơn xin sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án và ngày 5/7/2023, ông T2 có đơn đề nghị sao chụp toàn bộ tài liệu, chứng cứ vụ án; Ngày 6/7/2023, ông Nguyễn Sỹ T2 ký nhận trực tiếp thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nhận tiếp cận công khai chứng cứ được tiến hành vào ngày 26/7/2023 nhưng đến ngày mở phiên họp, ông T2 vắng mặt không lý do. Đồng thời, ngày 26/7/2023, bà T1 gửi Bản tự khai qua đường bưu điện cho Tòa án có nội dung: Theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 94/2022/TLST-DS ngày 28/01/2022; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nhận tiếp cận công khai chứng cứ ngày 6/7/2023 và kết quả sao chụp hồ sơ vụ

án vào ngày 6/7/2023...”. Và tại phiên tòa ngày 19/9/2023, đại diện theo ủy quyền của bà T1 là ông Nguyễn Sỹ T2 có mặt tham gia phiên tòa.

Như vậy, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được sao chụp toàn bộ tài liệu chứng cứ vụ án; đã được tổng đạt, niêm yết tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa. Việc niêm yết của cấp sơ thẩm tuy có thiếu sót nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vì đương sự đã được sao chụp hồ sơ, bị đơn đã gửi bản tự khai đến Tòa và đại diện bị đơn được trình bày ý kiến tại phiên tòa.

[2.1.2] Về yêu cầu giám định: Bị đơn không cung cấp giấy tờ liên quan đến việc trưng cầu giám định chữ ký. Do đó, Tòa sơ thẩm có thông báo số 94/TB-TA ngày 25/8/2023 về việc “Không chấp nhận đơn đề nghị giám định chữ ký” là có cơ sở.

[2.1.3] Về yêu cầu không đưa chồng bà T1 vào tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận nguyên đơn giao dịch trực tiếp với bị đơn theo Giấy vay tiền ngày 06/05/2020, chồng bị đơn không tham gia quan hệ vay mượn tiền giữa nguyên đơn, bị đơn; Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà T1 có trách nhiệm đối với nguyên đơn và không yêu cầu chồng bị đơn chịu trách nhiệm liên đới cùng bị đơn trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chồng bị đơn vào tham gia vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của BLTTDS 2015 và phù hợp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo trình bày của nguyên đơn từ ngày 06/5/2020 đến ngày 06/5/2021 bà T1 đã trả lãi suất theo đúng thỏa thuận. Đến ngày hết hạn hợp đồng, ngày 07/5/2021 bà T1 không hoàn trả lại số tiền gốc như đã thỏa thuận tại Giấy mượn tiền ngày 06/5/2020. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp giao dịch chuyển khoản của bị đơn thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn 03 lần vào các ngày 19/11/2021; ngày 23/11/2021 và ngày 05/01/2022, tổng số tiền 65.000.000đ. Bị đơn không chứng minh được số tiền chuyển khoản của 03 lần trên là của giao dịch khác. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn không thừa nhận chữ ký trên Giấy vay tiền là của bị đơn. Ngày 25/8/2023, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo số 94/TB-TA về việc không chấp nhận Đơn đề nghị yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký; bị đơn đã được Thừa phát lại tổng đạt trực tiếp Thông báo này nhưng bị đơn từ chối ký nhận.

[3.2] Căn cứ Giấy vay tiền lập ngày 06/5/2020 tại số I T, KP6, P. H, Quận I, TP . có nội dung: *bà Dương Thị Thanh T (bên cho vay) có cho bà Dương Thị Hồng T1 (bên vay) vay số tiền 1.750.000.000đ, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 2,5%/tháng. Ngay sau ký giấy vay tiền này, bà T sẽ giao toàn bộ số tiền vay trên cho bà T1. Tại giấy vay tiền có chữ ký của cả 2 bên và điểm chỉ của bên vay bà T1.*

[3.3] Như vậy, căn cứ quy định Điều 385; Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Giấy vay tiền trên đã đảm bảo về hình thức, thỏa thuận giữa các bên là sự tự

nguyên, không vi phạm điều cấm nên phát sinh hiệu lực; có cơ sở xác định có việc vay mượn tiền giữa bị đơn và nguyên đơn như thỏa thuận tại Giấy mượn tiền ngày 05/6/2020. Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc 1.750.000.000 đồng là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3.4] Đối với khoản tiền lãi: tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng thống nhất đồng ý giảm hết khoản tiền lãi 328.630.136 đồng cho bị đơn. Xét thấy việc giảm lãi của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKS phát biểu và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm toàn bộ khoản tiền lãi cho bị đơn là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa 1 phần bản án sơ thẩm đối với khoản tiền lãi như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 1.750.000.000 đồng, án phí là: 64.500.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại án phí tạm nộp cho nguyên đơn. Tại biên lai thu tiền số AA/2021/0025456 án phí tạm nộp: 32.250.000 đồng, bản án sơ thẩm ghi ngày (28/01/2022) là không chính xác mà ngày thể hiện trên biên lai này là ngày 25/01/2022. Do đó, cần điều chỉnh lại ngày cho phù hợp trên biên lai thu tiền số AA/2021/0025456 là ngày 25/01/2022.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn không phải chịu án phí, hoàn lại án phí tạm nộp cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 , Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Hồng T1.
2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 3748/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh T:

- Buộc bà Dương Thị Hồng T1 phải trả cho bà Dương Thị Thanh T số tiền nợ gốc theo Giấy vay tiền lập ngày 06/05/2020 là 1.750.000.000 (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng.

Việc thanh toán tiền do bà Dương Thị Thanh T và bà Dương Thị Hồng T1 tự thực hiện hoặc được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị Thanh T giảm cho bà Dương Thị Hồng T1 toàn bộ khoản tiền lãi 328.630.136 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Dương Thị Hồng T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 64.500.000 (Sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn) đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Hoàn trả lại cho bà Dương Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí là 40.468.750đ (Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) mà bà Dương Thị Thanh T đã nộp theo các biên lai thu số: AA/2021/0026201 ngày 09/03/2022 và AA/2021/0025456 ngày 25/01/2022.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Dương Thị Hồng T1 không phải chịu. H1 lại cho bà T1 300.000 đồng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0005554 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Thương